

Phụ lục I

DỰ KIẾN CÁC MỤC TIÊU CHỈ TIÊU VÀ NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2026-2030, NĂM 2026
 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS&MN

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030				Dự kiến kết quả thực hiện năm 2026				Dự kiến kinh phí														
		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động thụ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030						Năm 2026							
		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		NSTW			Vốn huy động	NSTW			NSDP			Vốn huy động			
											Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN		Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN		Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN
	TỔNG: I+II+III+IV+V+VI+VII+IX+IX+X										13.247	12.320	927	579	319	260	0	2.789	2.600	189	116	64	52	0
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13	0	13	0	3	0	3	0	0	4550	4136	414	0	0	0	0	1050	955	95	0	0	0	0
1	Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở (Vốn SN)																							
2	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở (Vốn SN)																							
3	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (Vốn SN)																							
+	Hỗ trợ đất sản xuất																							
+	Hỗ trợ chuyển đổi nghề																							
4	Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt	13		13		3		3		0	4550	4136	414	0	0	0	0	1050	955	95	0	0	0	0
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Vốn SN)																							
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung (Vốn ĐT)	13	giếng khoan	13	thôn	3	giếng khoan	3	thôn		4.550	4136	414	0	0	0	0	1.050	955	95	0	0	0	0
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết																							
-	Dự án ĐCĐC tập trung																							
-	Dự án ĐCĐC xem ghép																							
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			56		0	0	0	0	0	5150	4682	468	260	0	260	0	1030	936	94	52	0	52	0
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		cộng đồng -HTX-DN; Đào tạo và giáo dục cộng đồng bảo vệ rừng	28	thôn									260	0	260	0	0	0	0	52	0	52	0
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN		Hỗ trợ SX, đào tạo tập huấn; Hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử	28	thôn						5.150	4682	468	0	0	0	0	1.030	936	94	0	0	0	0
-	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị																							
	Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý																							
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN																							
3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng DTTS&MN																							
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			0	0	0	0	0	0	0	502,0	457	46	149	149	0	0	100	100	0	30	30	0	0
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN		Công trình hạ tầng thôn xã, xóa nhà tạm nhà dột nát								502,0	457	46	149	149			100	100		30	30		
2	Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc																							
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			0	0	0	0	0	0	0	1855,0	1855	0	55	55	0	0	371	371	0	11	11	0	0
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTĐTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTĐTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS										330,0	330		35	35			66	66		7	7		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DTTS&MN

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án/công trình (chi tiết)	Địa điểm	Dự án, Tiểu Dự án	Tổng mức đầu tư				Thời gian thực hiện	Ghi chú
				Tổng	NSTW	NSDP	Vốn huy động khác		
1	Công trình: Sửa chữa Trạm Y tế tại thôn Kon Jri Xút, xã Đăk Rơ Wa(xã Đăk Blà cũ)	UBND xã Đăk Rơ Wa		490	445	45		2026	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường vào làng du lịch cộng đồng Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa	UBND xã Đăk Rơ Wa		1.800	1.636	164		2026	
3	Đường từ Quốc lộ 14 đến đập Đăk Yên, xã Đăk Rơ Wa (thuộc xã Hòa Bình cũ)	UBND xã Đăk Rơ Wa		8.536	7.760	776		2027	
4	Sửa chữa đường GTNT đoạn từ cổng chào thôn Kon Kơ Tu đến Suối Đak KơChăh	UBND xã Đăk Rơ Wa		800	727	73		2028	
5	Dự án: Cải tạo, sửa chữa đường Quốc lộ 24 cũ (đoạn từ thôn Konrolang đến thôn Kon Gur), xã Đăk Rơ Wa (Đăk Blà cũ)	UBND xã Đăk Rơ Wa		15.000	13.636	1.364		2029	
6	Công trình: Đầu tư kết cấu hạ tầng, gắn với khai thác quỹ đất phát triển khu dân cư thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum;	UBND xã Đăk Rơ Wa		2.320	2.109	211		2030	
	TỔNG CỘNG:			28.946	26.313	2.633			